

Số/No: 24.1.M.1.1683.5

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

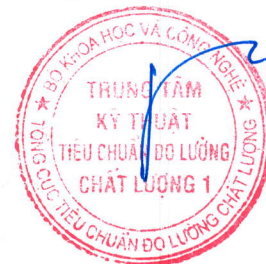
1. Tên mẫu thử/ Sample: **KỆP FC - 086**
LÔ 270702
2. Khách hàng/ Customer: **CÔNG TY TNHH HIWIN HONGKONG**
3. Số lượng mẫu/ Quantity: 01
4. Tình trạng mẫu/ Observation: Xem ảnh kèm theo
5. Ngày nhận mẫu/ Reception date: 19 / 08 / 2024
6. Ngày thử nghiệm/ Time duration: 19 / 08 / 2024
7. Phương pháp thử/ Test method: ASTM E1086 - 22
8. Ngày hoàn thành/ Completion: 19 / 08 / 2024
9. Kết quả thử nghiệm/ Result of testing: Xem trang sau / See next page

P. TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM CƠ KHÍ - VLXD
Head of Mechanical and Construction Material Testing Lab.


Nguyễn Văn Minh

Hà nội, ngày 21 / 08 / 2024

 **GIÁM ĐỐC/ Director**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 241/NK.11683-5

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT Items	TÊN CHỈ TIÊU Specifications	P. PHÁP THỬ Test methods	M. QUY ĐỊNH Requirement	KẾT QUẢ Results
1	Thành phần hóa học	ASTM E1086 - 22	JIS G4305 (SUS 304)	
	• Carbon	% C	≤ 0,080	0,0588
	• Silicon	Si	≤ 1,000	0,4683
	• Sulfur	S	≤ 0,030	0,0033
	• Phosphorus	P	≤ 0,045	0,0334
	• Manganese	Mn	≤ 2,000	0,8954
	• Nickel	Ni	8,000 ÷ 10,500	8,0464
	• Chromium	Cr	18,000 ÷ 20,000	18,3012
	• Molybdenum	Mo		0,0038
	• Vanadium	V		0,0831
	• Copper	Cu		0,0190
	• Tungsten	W		0,0089
	• Titanium	Ti		0,0043

Ảnh mẫu thử nghiệm/ Picture of sample testing



Vị trí thử

